

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 31/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà TTQ, sinh năm 1961 và ông LVT, sinh năm 1958 (*LVT đã có văn bản ủy quyền cho bà TTQ*)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông NVH, sinh năm 1970 và bà ĐTH, sinh năm 1973 (*Ông NVH đã có văn bản ủy quyền cho bà ĐTH*).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng bà ĐTH, ông NVH còn nợ vợ chồng bà TTQ và ông LVT số tiền nợ gốc là 79.000.000 đồng.

Vợ chồng bà TTQ, LVT rút yêu cầu về lãi, các bên thống nhất không tính toán gì về nghĩa vụ trả lãi.

2.2. Về phương án trả nợ:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng bà ĐTH, ông NVH có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà TTQ, LVT 79.000.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu đồng*) sau khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về án phí:

Vợ chồng bà ĐTH, ông NVH phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.975.000 đồng (*Một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Trả lại bà TTQ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.940.000 đồng (*Hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0005477 ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, do nguyên đơn rút yêu cầu trả tiền lãi.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Hoàng